

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 119/2026/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định quản lý chương trình, nhiệm vụ đổi mới
sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo;

Căn cứ Thông tư số 10/2025/TT-BKHCN ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 22/2025/TT-BKHCN ngày 17 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về thu thập, cập nhật, kết nối, chia sẻ, quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu trên hệ thống thông tin quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định khung về trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành, quản lý, tổ chức thực hiện chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và quy định về trình tự, thủ tục xét tài trợ, đặt hàng, ký hợp đồng, tổ chức thực hiện, chấm dứt thực hiện, thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ và đánh giá đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 187/TTr-SKHCN ngày 27 tháng 7 năm 2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành Quy định quản lý chương trình, nhiệm vụ đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý chương trình, nhiệm vụ đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 9 năm 2026.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Loan

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Quản lý chương trình, nhiệm vụ đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

(Ban hành kèm theo Quyết định số 119/2026/QĐ-UBND)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về phân cấp, quản lý và tổ chức thực hiện chương trình, nhiệm vụ đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Các nội dung không quy định tại Quy định này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước quản lý chương trình, nhiệm vụ đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước.
2. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân thực hiện chương trình, nhiệm vụ đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước.
3. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Phân cấp quản lý nhiệm vụ đổi mới sáng tạo

Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan quản lý nhiệm vụ đổi mới sáng tạo theo quy định tại khoản 9 Điều 3 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP, trừ nội dung phê duyệt danh mục nhiệm vụ đổi mới sáng tạo đặt hàng quy định tại khoản 7 Điều 19 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

Chương II

QUẢN LÝ NHIỆM VỤ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều 4. Phân loại nhiệm vụ đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước

1. Căn cứ theo phương thức xác định, hình thành nhiệm vụ đổi mới sáng tạo được phân loại như sau:

- a) Nhiệm vụ đổi mới sáng tạo theo hình thức tài trợ;
- b) Nhiệm vụ đổi mới sáng tạo theo hình thức đặt hàng;
- c) Nhiệm vụ đổi mới sáng tạo cơ sở.

2. Căn cứ theo hình thức triển khai, nhiệm vụ đổi mới sáng tạo được phân loại như sau:

a) Nhiệm vụ đổi mới sáng tạo trong khuôn khổ các chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia thực hiện trên địa bàn tỉnh về đổi mới công nghệ; khởi nghiệp sáng tạo; phát triển quyền sở hữu trí tuệ, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa;

b) Nhiệm vụ đổi mới sáng tạo trong khuôn khổ các chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh về đổi mới công nghệ; khởi nghiệp sáng tạo; phát triển quyền sở hữu trí tuệ, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa;

c) Nhiệm vụ đổi mới sáng tạo không thông qua các chương trình để thực hiện theo định hướng ưu tiên hoặc yêu cầu cụ thể của cơ quan quản lý nhiệm vụ.

3. Căn cứ theo nội dung, nhiệm vụ đổi mới sáng tạo được phân loại như sau:

a) Nhiệm vụ quy định tại điểm a, b và c khoản 3 Điều 5 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP;

b) Nhiệm vụ quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

Điều 5. Nguyên tắc quản lý tổ chức thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước

Nhiệm vụ đổi mới sáng tạo được quản lý, tổ chức thực hiện theo các nguyên tắc quy định tại Điều 6 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

Điều 6. Xây dựng kế hoạch và lập dự toán, phân bổ kinh phí thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo

Việc xây dựng kế hoạch, lập dự toán, phân bổ kinh phí thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo theo Nghị quyết số 11/2026/NQ-HĐND ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy định nội dung và mức chi quản lý, thực hiện chương trình, nhiệm vụ, hoạt động hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên.

Điều 7. Tiêu chí lựa chọn nhiệm vụ đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước

1. Nhiệm vụ đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chí chung như sau:

a) Các tiêu chí quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e khoản 1 Điều 8 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP;

b) Nội dung phù hợp với một trong các loại nhiệm vụ quy định tại khoản 3 Điều 4 Quy định này.

2. Ngoài các tiêu chí chung quy định tại khoản 1 Điều này, tùy theo loại nhiệm vụ, nhiệm vụ đổi mới sáng tạo còn phải đáp ứng các tiêu chí quy định tại một trong các điểm a, b, c của khoản 2 Điều 8 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

Điều 8. Điều kiện tham gia xét tài trợ, đặt hàng thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo

1. Doanh nghiệp, tổ chức tham gia xét tài trợ, đặt hàng thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo phải đáp ứng quy định tại Điều 9 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

2. Cá nhân đăng ký tham gia các nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo phải đáp ứng các quy định tại Điều 8 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ. Ngoài ra Chủ nhiệm nhiệm vụ cần đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 7 Quyết định số 31/2026/QĐ-UBND ngày 21/5/2026 của UBND tỉnh.

Điều 9. Thông báo, kêu gọi đề xuất nhiệm vụ đổi mới sáng tạo

1. Thông báo kêu gọi đề xuất nhiệm vụ đổi mới sáng tạo

Định kỳ hoặc đột xuất, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo, kêu gọi đề xuất nhiệm vụ đổi mới sáng tạo trên Trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ hoặc các phương tiện thông tin đại chúng, căn cứ vào một hoặc một số cơ sở sau đây:

a) Đặt hàng của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan nhà nước ở trung ương, địa phương, bao gồm cả nhiệm vụ đột xuất, phát sinh nhằm giải quyết các vấn đề cấp bách, cấp thiết trong thực tiễn phát triển;

b) Định hướng ưu tiên hoặc yêu cầu cụ thể của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh để cụ thể hóa chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực; chiến lược, chương trình tổng thể phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đã được phê duyệt; định hướng ưu tiên và nguồn kinh phí hàng năm của Quỹ Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

c) Khả năng cân đối, bố trí ngân sách nhà nước và các nguồn lực tài chính khác trong năm kế hoạch; trường hợp cần thiết, Sở Khoa học và Công nghệ có thể công bố mức trần kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đối với từng nhóm nhiệm vụ trong thông báo.

2. Thời hạn và địa chỉ nhận hồ sơ:

a) Thông báo kêu gọi đề xuất nhiệm vụ được quy định rõ thời hạn và địa chỉ tiếp nhận hồ sơ trên Trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ; trường hợp chưa đảm bảo theo kế hoạch, thông báo được điều chỉnh và đăng tải lại trên Trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ;

b) Tổ chức đề xuất nộp 01 bộ hồ sơ bản gốc hoặc bản sao có chứng thực dưới dạng điện tử qua Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc qua bưu điện hoặc trực tiếp đến Sở Khoa học và Công nghệ. Ngày nhận hồ sơ là ngày ghi nhận trên Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc là ngày ghi ở dấu của bưu điện gửi đến (trường hợp gửi qua bưu điện) hoặc dấu đến của Sở Khoa học và Công nghệ (trường hợp nộp trực tiếp);

c) Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận, xử lý, lưu trữ hồ sơ đúng thời hạn theo thông báo kêu gọi, bảo đảm công khai, minh bạch.

3. Xử lý hồ sơ đề xuất nhiệm vụ

a) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc nhận hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ và thông báo bằng văn bản hoặc trên Trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ đối với các hồ sơ hợp lệ hoặc không hợp lệ;

b) Trong trường hợp nhận thấy hồ sơ không hợp lệ hoặc không phù hợp với định hướng, nguồn lực, điều kiện, thời gian, Sở Khoa học và Công nghệ không tiếp tục xem xét hồ sơ.

Điều 10. Hồ sơ đăng ký thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo

Doanh nghiệp, tổ chức đăng ký thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo tài trợ, đặt hàng quy định tại khoản 3 Điều 4 Quy định này phải nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

Điều 11. Xét duyệt, thẩm định kinh phí, phê duyệt nhiệm vụ đổi mới sáng tạo

1. Trình tự xét duyệt nhiệm vụ đổi mới sáng tạo thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

2. Thẩm định kinh phí nhiệm vụ đổi mới sáng tạo:

Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định kinh phí nhiệm vụ đổi mới sáng tạo theo các nội dung quy định tại Điều 13 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP thông qua Tổ thẩm định kinh phí.

a) Tổ thẩm định kinh phí do Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập để thực hiện rà soát định mức chi, sự phù hợp với nội dung công việc và chi phí khác theo quy định hiện hành.

Tổ thẩm định kinh phí có từ 05 đến 07 thành viên, bao gồm Tổ trưởng là lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ, đại diện cơ quan, đơn vị quản lý tài chính và các thành viên khác có liên quan. Trong trường hợp nhiệm vụ có quy mô lớn, nội dung phức tạp thì Sở Khoa học và Công nghệ có thể quyết định số lượng lớn hơn 07 thành viên nhưng tối đa không quá 09 thành viên.

b) Kinh phí tổ chức thẩm định kinh phí từ nguồn ngân sách chi thường xuyên sự nghiệp khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được giao cho Sở Khoa học và Công nghệ quản lý, sử dụng.

3. Trình tự phê duyệt nhiệm vụ đổi mới sáng tạo thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

Điều 12. Ký hợp đồng tài trợ, hỗ trợ, cấp kinh phí và kiểm tra, đánh giá nhiệm vụ đổi mới sáng tạo

1. Ký hợp đồng tài trợ, hỗ trợ và cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

2. Kiểm tra, đánh giá nhiệm vụ đổi mới sáng tạo thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

Điều 13. Sửa đổi, chấm dứt hợp đồng và quyết toán kinh phí, thanh lý hợp đồng tài trợ thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo

1. Sửa đổi, chấm dứt hợp đồng tài trợ được thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

2. Quyết toán kinh phí, thanh lý hợp đồng tài trợ thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo được thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

Điều 14. Xây dựng đề xuất đặt hàng nhiệm vụ đổi mới sáng tạo

1. Xác định định hướng đặt hàng

Căn cứ chủ trương, định hướng của Đảng, Nhà nước; chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh; chiến lược, kế hoạch, phát triển kinh tế - xã hội quốc gia, bộ, ngành và của tỉnh, các chương trình đổi mới sáng tạo, những vấn đề quan trọng, cấp bách, mới phát sinh trong thực tế như khắc phục hoặc xử lý kịp thời các hậu quả gây ra do thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, hoả hoạn, tai nạn bất ngờ, sự cố hoặc sự kiện bất khả kháng khác; phòng, chống thiên tai, thảm họa, dịch bệnh; bảo vệ tính mạng của người dân; bảo vệ lợi ích của Nhà nước hoặc lợi ích của cộng đồng và các vấn đề xã hội khác, Sở Khoa học và Công nghệ xác định định hướng đặt hàng và công bố kêu gọi đề xuất đặt hàng.

2. Xác định danh mục nhiệm vụ đổi mới sáng tạo đặt hàng

Căn cứ kết quả tiếp nhận các đề xuất đặt hàng tại khoản 1 Điều này, Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng để xác định danh mục nhiệm vụ đổi mới sáng tạo đặt hàng.

3. Thành phần Hội đồng, trình tự, thủ tục, phương thức làm việc của Hội đồng, tài liệu phục vụ phiên họp của Hội đồng thực hiện theo khoản 3, 4, 5, 6 Điều 19 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

4. Phê duyệt danh mục nhiệm vụ đổi mới sáng tạo đặt hàng

Căn cứ kết quả làm việc của Hội đồng, Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp danh mục, trình UBND tỉnh phê duyệt danh mục nhiệm vụ đổi mới sáng tạo đặt hàng theo Mẫu số I.16 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 268/2025/NĐ-CP để đặt hàng thực hiện và công bố công khai nhiệm vụ đặt hàng trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, Trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ và Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia để cho tổ chức, cá nhân có đủ năng lực đăng ký thực hiện.

5. Kinh phí tổ chức Hội đồng lấy từ nguồn ngân sách nhà nước chi thường xuyên sự nghiệp khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được giao cho Sở Khoa học và Công nghệ quản lý, sử dụng.

6. Việc thông báo, xét duyệt để giao trực tiếp và tổ chức thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo đặt hàng thực hiện theo quy định tại các Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12 và Điều 13 của Quy định này.

Chương III **TRÁCH NHIỆM, TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 15. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý thống nhất chương trình, nhiệm vụ đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh.

2. Ban hành thông báo kế hoạch tài trợ, đặt hàng; hướng dẫn, tiếp nhận, rà soát hồ sơ; tổ chức tư vấn, thẩm định, phê duyệt theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Ký hợp đồng, kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng; tổ chức quản lý dữ liệu, kết quả; định kỳ tổ chức đánh giá tác động sau nhiệm vụ đối với việc ứng dụng, chuyển giao và thương mại hóa kết quả nhiệm vụ; tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

4. Chủ trì tổng hợp nhu cầu kinh phí, phối hợp với Sở Tài chính tham mưu bố trí kinh phí hằng năm.

5. Chủ trì xử lý hoặc tham mưu xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

Điều 16. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Trên cơ sở đề xuất nhu cầu kinh phí triển khai thực hiện chương trình, nhiệm vụ đổi mới sáng tạo Sở Tài chính phối hợp với đơn vị có liên quan tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét quyết định bố trí kinh phí triển khai thực hiện theo phân cấp ngân sách và đảm bảo phù hợp theo quy định của pháp luật.

2. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ giải quyết hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền giải quyết các khó khăn, vướng mắc liên quan đến nguồn kinh phí phát sinh trong quá trình thực hiện (nếu có) trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao và đảm bảo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 17. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường

1. Căn cứ nhu cầu, mức độ cần thiết đề xuất, đặt hàng nhiệm vụ thuộc ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý; xác định rõ nhu cầu, địa chỉ ứng dụng, cam kết tiếp nhận kết quả.

2. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong quá trình xác định nhiệm vụ, tổ chức thực hiện, kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu và ứng dụng kết quả.

3. Chủ động lồng ghép, ứng dụng kết quả vào chương trình, kế hoạch, đề án, nhiệm vụ của ngành, địa phương.

Điều 18. Trách nhiệm của tổ chức chủ trì, Chủ nhiệm nhiệm vụ

1. Tổ chức triển khai nhiệm vụ đúng nội dung, tiến độ, sản phẩm, kinh phí và hợp đồng đã ký.

2. Chịu trách nhiệm về tính trung thực của hồ sơ, kết quả, số liệu, tài liệu chuyên môn, tài chính và việc chấp hành các quy định liên quan.

3. Thực hiện chế độ báo cáo, lưu giữ hồ sơ, cập nhật dữ liệu, bàn giao kết quả, lưu giữ kết quả, xử lý tài sản, quyết toán kinh phí theo quy định.

4. Phối hợp với cơ quan, đơn vị ứng dụng kết quả để chuyển giao, nhân rộng, thương mại hóa kết quả sau nghiệm thu.

5. Chịu sự kiểm tra, thanh tra, kiểm toán của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu theo yêu cầu.

Điều 19. Tổ chức thực hiện

1. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm triển khai, hướng dẫn; kiểm tra và đôn đốc các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

3. Khi phát hiện khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh bằng văn bản về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo./.